

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 48/CSSXTL/2019

CỘNG VĂN ĐỀN	Số: 474 Lãnh đạo CQ Phòng: mktarea Sao: LĐH 88
--------------------	---

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Hộ kinh doanh Cơ sở sản xuất Thành Lộc

Địa chỉ: thôn 5, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0243.7154471

E-mail: giavithanhloc3s@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 05F8006476

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 240/2017/NNPTNT-0321 Ngày Cấp: 10/01/2017

Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản & thủy sản tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gia vị muối

2. Thành phần: Muối, mỳ chính, đường kính, bột tiêu, bột ớt, bột hành, bột tỏi, bột ngũ vị, hương liệu tổng hợp, chất điều vị (E631, E627).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được bao gói trong bao bì bằng vật liệu PE, PP, PET, OPP theo QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.

- Sản phẩm đóng gói túi hoặc hộp có khối lượng: 20 g, 50 g, 90 g, 100 g, 120 g, 140 g, 150 g, 290 g, 300 g, 500 g hoặc theo yêu cầu của khách hàng và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định ô nhiễm tối đa sinh học và hóa học trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm";
- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm";
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15/06/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm;
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định về giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên ngày 07 tháng 05 năm 2019
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

HỘ KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT THÀNH LỘC

Thôn 5 - Thuần Hưng - Khoái Châu - Hưng Yên

MST: 0900731404

CHỦ CƠ SỞ
Chu Thị Huyền

Thành Lộc

Gia Vị Muối

Thành phần: Muối, mì chính, đường kính, bột tiêu, bột đr, bột hành, bột tỏi, bột ngũ vị, hương liệu tổng hợp, chất điều vị (E631, E627).

HS030 - Dùng làm gia vị trong chế biến các món ăn

- Tỷ lệ sử dụng tùy theo công thức: Tùy sản phẩm

ĐẶC ĐIỂM
kao khac

NSX:

HSD:

(Nấu Thịt Kho Tầu)

Nguyên liệu:

1 kg thịt ba chỉ, 20 quả trứng cút, 1 lít nước dùng, hành tím, tỏi, ớt, muối, Gia vị Thành Lộc, tôm nêm, dầu ăn.

Thực hiện:

Thịt rửa sạch, sau đó cắt thành miếng vuông vừa ăn. Trong cát luộc chín bỏ vỏ. Hành tím băm nhuyễn, thịt và Gia vị Thành Lộc, hành tím, dầu ăn để khoảng 30 phút. Cho đường vào xoong đợi sôi lên rồi đun đường chảy thành giòn, sau đó cho 1 lít nước dùng vào đun sôi. Sau đó cho thịt vào đun sôi và nước màu khuếch tán đều khi sôi thì cho nước đường và nước màu khuếch tán đều khi sôi và khuếch tán đều trong vòng 1 tiếng. Tiếp tục cho trứng vào kho chung. Nước tiếp tục đun sôi nhỏ lửa chín mềm, sau đó tắt bếp. Món ăn đã có vị, và thịt gần được nêm nếm gia vị cho vừa miệng.

Thông tin bảo quản:

- Để nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp và nơi có độ ẩm cao.

Khối lượng thực tiễn g

EX: hộp HXD CỐC CHẾ THẤT LỘC

ĐC: Số 5, Thôn 5, Xóm Hàng, Khối Chùa, Hùng Yên.

Hotline: 0979 30 8899

E-mail: givuthanhloc@gmail.com

Website: givuthanhloc.vn



Gia Vị Muối

Thành phần: Muối, mỳ chính, đường kính, bột tiêu, bột đt, bột hành, bột tỏi, bột ngũ vị, hương liệu tổng hợp, chất điều vị (E631, E627).

HSDS: - Dùng làm gia vị trong chế biến các món ăn
- Tỷ lệ sử dụng tùy theo công thức từng sản phẩm

NSX:

HSD:

(Nấu Lẩu Thập Cẩm)

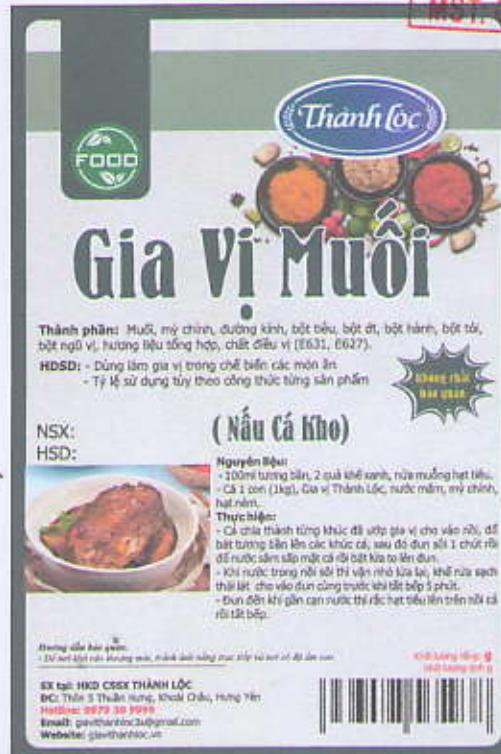
Nguồn gốc:
Cà lách xanh, cà rốt, mì ống, ngò rí xanh, thịt thăn nạc
- Thịt thăn nạc, tôm, mực, ngao rí xanh, thịt thăn nạc
- Đầu heo cẩn thận, đầu heo cẩn thận, cá lát
ra, lát hành rau xanh, gừng đt, gừng, Gia vị Thành Lộc, hành lá, tỏi
cà chua.

Thực hiện:
- Thịt hành hầm với chời dầu ăn, cà chua, sả thái mỏng vào
nước sốt.
- Thịt xương heo khoảng 30-45 phút rồi cho nước dùng nồi
đến cho Gia vị Thành Lộc vào nồi, đùi 3 con cá lát
ra, lát hành rau xanh, gừng đt, gừng, Lá lốt
- Sau đó cho phần cà chua và rau vào đun cùng,
- Khi tắt lửa các đồ ăn liên tiếp, rồi lúi để ở giữa và thường xuyên.

Đóng gói: Hộp 500g

Địa chỉ: HỘ KHỐI THÀNH LỘC
B1, Tổ 5, Thị trấn Hố Nai, Huyện Chư Sê, Gia Lai
Hotline: 0979 30 9999
Email: giovanhanhloc@gmail.com
Website: giovanhanhloc.vn

Khách hàng thân



HỘ KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT THÀNH LỘC
Thôn 5 - Thuận Hưng - Khoái Châu - Hưng Yên
MST: 0 9 0 0 7 3 1 4 0 4



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 129-4/Labo XNATVSTP

Tên mẫu/Name of Sample: Gia vị muối

Mã số/Code: 0419129-4

Số lượng mẫu/Quantity: 01 mẫu

Tình trạng mẫu/Conditional keeping: Mẫu được đóng gói kín

Người/Đơn vị gửi mẫu/Customer: Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất Thành Lộc

Địa chỉ/Address: Thôn 5, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Ngày gửi mẫu>Date of receiving: 17/04/2019

Thời gian kiểm nghiệm/Testing time: Từ 17/04/2019 đến ngày 23/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM (Test Result)

TT	Chi tiêu(Specification)	Đơn vị(Unit)	Phương pháp(Test method)	Kết quả(Result)
1	Tổng số vsv hiếu khí *	CFU/g	TCVN 4884:2015	$1,0 \times 10^3$
2	Định lượng nấm men – nấm mốc *	CFU/g	TCVN 8275-1:2010	KPH
3	E.coli dương tính β-glucuronidaza*	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH
4	Tổng số Coliform (CFU)*	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH
5	Định lượng Staphylococcus aureus*	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	KPH
6	Định lượng Bacillus cereus *	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH
7	Định lượng Clostridium perfringens	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH
8	Độ đậm *	%	HPP/13	1,1
9	Chì	mg/kg	AOAC/AAS	0,01
10	Cadimi	mg/kg	AOAC/AAS	KPH

KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Quang Cảnh

Hải Dương, ngày 23 tháng 04 năm 2019

Labo XNATVSTP

ThS. Hoàng Thị Thu Huyền

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.
- Chi tiêu đánh dấu (*) là chi tiêu được công nhận VILAS.
- Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.